

Bản án số: **70/2025/HSST**

Ngày: 31/12/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2025/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/HSST-QĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Dương Thành H (Tên gọi khác: B) - sinh ngày 24/02/1994 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn L, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1966; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; Có 01 con, sinh năm 2023; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 04/05/2016, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 4.000.000 đồng về hành vi thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau và đánh bạc. Chưa chấp hành nộp phạt; Ngày 31/05/2016, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau. Chưa chấp hành nộp phạt; Ngày 28/10/2022, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chưa chấp hành nộp phạt; Ngày 01/12/2023, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Chưa chấp hành nộp phạt; Ngày 27/01/2025, bị Công an thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đã nộp phạt ngày 28/01/2025;

Nhân thân: Ngày 09/10/2023, bị Công an thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đã nộp phạt ngày 09/10/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/05/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

** Bị hại:*

- Trần Đăng Q1, sinh năm 1986; Trú tại: thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Nguyễn Huy T, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ D, phường L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ C, phường G, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992; Trú tại: thôn Đ, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1984; Trú tại: thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1984; Trú tại: thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Anh Đinh Tiên H1, sinh năm 1999; Trú tại: thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Anh Bùi Công T3, sinh năm 1995; Trú tại: 7 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- Trần Quốc D, sinh năm 1991; Trú tại: thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Trần Bình K, sinh năm 1984; Trú tại: thôn T, xã V, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Võ Thị Tường V, sinh năm 1986; Trú tại: thôn T, xã V, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình mua bán cây cảnh, Dương Thành H, sinh năm 1994, trú tại: khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk

Lắc) thấy việc người khác chuyển tiền đặt cọc để mua cây cảnh rất dễ, chỉ cần cung cấp hình ảnh, video cây cảnh và báo giá rẻ hơn thị trường thì sẽ có nhiều người đồng ý mua và chuyển tiền cọc nên Dương Thành H nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối, nói dối mình có các cây cảnh bán, yêu cầu người mua chuyển tiền đặt cọc sau đó chiếm đoạt tiêu xài.

Để tìm người có nhu cầu mua cây cảnh, Dương Thành H sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook *Cayxanh Lahai* vào các hội, nhóm mua bán cây cảnh tìm kiếm người có nhu cầu mua cây. Khi tìm được người có nhu cầu, H nhắn tin riêng, gửi hình ảnh cây cảnh cho họ xem. Để người mua tin tưởng, H chụp và gửi hình ảnh Căn cước công dân của H, gọi video để người mua xem mặt H, khi người mua đồng ý mua cây, H yêu cầu người mua chuyển tiền cọc cho H rồi chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Trong thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 05/2025, bằng thủ đoạn nêu trên H đã chiếm đoạt tổng số tiền 199.500.000 đồng của 04 người bị hại là ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh N, ông Nguyễn Huy T và ông Trần Đăng Q1, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn T1

Khoảng tháng 10/2024, ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1992, trú tại Khu phố Đ, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa) thấy tài khoản Facebook *Cayxanh Lahai* của H đăng bán cây D1, nên ông T1 vào nhắn tin hỏi mua, H gửi số điện thoại 0979872381 để ông T1 kết bạn Zalo. Sau khi kết bạn Zalo, H gửi hình 03 cây Duối với các kích thước vanh gốc (kích thước gốc cây) khác nhau (vanh gốc 510, 180, 150) cho ông T1; trong đó video, hình ảnh của cây vanh gốc 510 là do H thấy người đăng rao bán trên mạng xã hội Facebook nên đã tải về lưu trong điện thoại của mình. Sau đó hai bên thỏa thuận và chốt giá lên xe tại Phú Yên (nay là Đắc Lắc) tổng 3 cây là 130.000.000 đồng. Ngày 26 và 28/10/2024, ông T1 chuyển từ tài khoản số 2683686868 tên *Nguyen Van T4* mở tại Ngân hàng Q2 đến tài khoản số 8010106854003 của Dương Thành H mở tại Ngân hàng Q2 tổng số tiền cọc 20.000.000 đồng theo yêu cầu của H. Đến ngày 28/10/2024, thì H khai thác cây Duối vanh gốc 180 (giá thỏa thuận 25.000.000 đồng) giao cho ông T1. Sau đó H tiếp tục thúc giục ông T1 chuyển thêm tiền cọc hai cây còn lại. Do H có giao cây nên ông T1 tin tưởng nên từ ngày 29/10/2024 đến ngày 04/11/2024 đã 06 lần chuyển khoản cho H tổng cộng 70.000.000 đồng. Đến khoảng giữa tháng 11/2024, H giao cây Duối vanh 150 cho ông T1 (giá thỏa thuận là 15.000.000 đồng). Còn cây Duối vanh 510 H nại ra nhiều lý do để không giao cho ông T1, chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của ông T1 sử dụng mục đích cá nhân;

2. Chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Quỳnh N

Khoảng tháng 12/2024, H thấy tài khoản mạng xã hội Facebook Quỳnh N2 của bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1982, trú tại: Tổ C, phường G, Tp., tỉnh Thái Nguyên (nay là phường G, tỉnh Thái Nguyên) đăng rao mua cây trồng công

trình. Mặc dù bản thân H không có cây để bán, nhưng ngày 22/12/2024 H dùng tài khoản Messenger (ứng dụng nhắn tin của mạng xã hội Facebook) tên *Cayxanh L1* gửi cho tài khoản Messenger *Quỳnh N* hình 02 cây Nhội trên nhà Thờ Bác (H không biết của ai) và 01 cây Lekima (cây của H đã bán từ trước đó) và nói với bà N là cây của H muốn bán. Bà N có gọi video Z, H quay 02 cây Nhội cho bà N xem, còn cây L2 là hình ảnh trong điện thoại của H, H gửi cho bà N xem. Bà N tưởng thật nên đồng ý mua, sau khi thống nhất giá là 110.000.000 đồng, H yêu cầu bà N đặt cọc cho H 30.000.000 đồng. Từ ngày 22/12/2024 đến ngày 06/01/2025, bà N đã 06 lần chuyển khoản cho H với tổng số tiền là 28.500.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng B1 của bà Nguyễn Thị Quỳnh N và tài khoản A của ông Vương Đức N3 (chồng bà N) sang tài khoản Ngân hàng M 8010106854003 của Dương Thành H. Ngoài ra, có 02 lần khi H đang ngồi tại quán cà phê trên địa bàn thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (cũ), nhưng H nói dối bà N là đang thuê người và xe để đào, vận chuyển cây và yêu cầu bà N chuyển vào tài khoản của người mà H không quen biết (cũng đang ngồi cùng quán với H) và nói dối bà N đó là tài khoản của chủ xe, người này đang làm đường để khai thác cây ra, giờ họ đòi tiền nếu không chuyển thì họ không chịu làm. Bà N tưởng thật nên đã chuyển tổng số tiền 8.000.000 đồng (một lần 5.000.000 đồng và một lần 3.000.000 đồng). Sau đó H nói với bà N là cây này bị vướng giấy tờ không chuyển được. Tổng số tiền chiếm đoạt của bà N là 36.500.000 đồng, H sử dụng tiền chiếm đoạt trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 6.000.000 đồng; số tiền còn lại H sử dụng vào mục đích cá nhân.

3. Chiếm đoạt tiền của ông Trần Đăng Q1

Huy và ông Trần Đăng Q1, sinh năm 1986, trú tại: thôn H, xã I, tỉnh Gia Lai (nay là xã C, tỉnh Gia Lai) đã có quen biết nhau từ trước và đã từng có quan hệ mua bán cây cảnh với nhau. Ngày 07/3/2025, H2 có ý định dùng hình ảnh những cây cảnh mà H2 đã bán cho người khác còn lưu trong điện thoại để lừa ông Q1 chiếm đoạt tiền nên H2 dùng tài khoản Zalo của mình nhắn gửi vào tài khoản Zalo của ông Q1 hỏi ông Q1 có mua 02 cây vú sữa và 01 cây Lêkima không? H2 báo giá 20.000.000 đồng/1 cây vú sữa, 13.000.000 đồng/01 cây Lekima. H2 nói các cây ở địa bàn huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ) và hứa gửi hình ảnh cụ thể từng cây cho ông Q1 xem.

Ngày 08/3/2025, H2 gửi cho ông Q1 hình 01 cây vú sữa, ông Q1 đồng ý mua, H2 yêu cầu đặt cọc 2.000.000 đồng, ông Q1 dùng số tài khoản 105879590069 của ông Q1 mở tại Ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản số 8010106854003 của Dương Thành H mở tại Ngân Hàng Q2 số tiền cọc 2.000.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H tiếp tục nhắn tin qua Zalo cho ông Q1 nói chủ cây đòi cọc thêm 3.000.000 đồng, ông Q1 tiếp tục chuyển cho H 3.000.000 đồng. Sau đó H tiếp tục chuyển cho ông Q1 hình ảnh cây vú sữa khác, ông Q1 đồng ý mua thì H yêu cầu chuyển cọc 4.000.000 đồng, ông Q1 cũng đồng ý và chuyển khoản cho H 4.000.000 đồng;

Ngày 10/3/2025, H lại gửi cho ông Q1 hình cây L2, ông Q1 đồng ý mua và chuyển khoản cọc 3.000.000 đồng cho H theo yêu cầu. Sau đó, H lại nói chủ cây yêu cầu cọc thêm 1.000.000 đồng, ông Q1 cũng đồng ý và chuyển thêm theo yêu cầu của H.

Sau đó H nhiều lần yêu cầu ông Q1 chuyển thêm tiền, nhưng ông Q1 không đồng ý. Tổng số tiền cọc mua cây của ông Q1 là 13.000.000 đồng, H chiếm đoạt tiền của ông Q1 sử dụng trả nợ cho ông Nguyễn Xuân T2 1.100.000 đồng, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 6.000.000 đồng, số tiền còn lại H sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 14/3/2025, ông Q1 đến huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ) để lấy cây và trả tiền theo thỏa thuận thì không liên lạc được với H;

4. Chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Huy T

Khoảng đầu tháng 3/2025, H thấy trên ứng dụng Facebook có tài khoản *Nguyen Huy T5* của ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1979, trú tại: Tổ D, phường C, quận L, Hà Nội (nay là phường L, thành phố Hà Nội) có đăng tìm mua cây Đa. H dùng tài khoản M1 nhắn cho ông T nói dối có cây Đa bán, xin số điện thoại để kết bạn Zalo để gửi hình ảnh cây Đa cho ông T xem. Sau khi kết bạn Zalo với ông T, H nhắn tin gửi video, hình ảnh một cây Đa (cây mà H đã từng mua và bán từ năm 2023) cho ông T, báo giá 35.000.000 đồng và yêu cầu ông T chuyển cọc 10.000.000 đồng. Sau đó H nói dối là do mưa nhiều không khai thác được cây, rồi H sử dụng hình ảnh và video của 01 cây Nhội (cây H đã dùng để lừa bà N nêu trên); 01 cây Cóc (mà trong quá trình H đi tìm mua cây cảnh thấy đẹp nên chụp, quay video lại lưu trong điện thoại, cụ thể cây này của ai, ở đâu H không nhớ); 01 cây Duối mà H đã mua và đã bán trước đây còn lưu lại trên điện thoại để lừa ông T mua. Ông T đồng ý mua 03 cây nói trên với tổng số tiền 135.000.000 đồng. Từ ngày 31/03/2025 đến ngày 03/05/2025, H hối thúc ông T chuyển tiền mua cây, ông T đã dùng tài khoản số 88558686501 mang tên *Nguyen Huy T5* mở tại ngân hàng T6 chuyển tổng cộng 100.000.000 đồng vào tài khoản của H. Sau khi chiếm đoạt tiền của ông T, H trả nợ cho ông Nguyễn Xuân T2 1.750.000 đồng, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 2.500.000 đồng, số tiền còn lại H sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động cảm ứng loại Iphone 11 promax, màu gold, số imei 353896104610385, imei2 353896104600899, có gắn sim số 0343389479, điện thoại đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền chiếm đoạt cho ông Nguyễn Văn T1 50.000.000 đồng; ông T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; ông Nguyễn Huy T yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng; ông Trần Đăng Q1 yêu cầu bồi thường 13.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Quỳnh N yêu cầu bồi thường 36.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSĐL-P3 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Dương Thành H về tội “Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự (BLHS).

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

- Các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Quỳnh N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông Nguyễn Huy T, ông Trần Đăng Q1 đề nghị xử phạt theo quy định pháp luật; các bị hại đều yêu cầu bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Riêng ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N1, ông Nguyễn Xuân T2 trình bày về tình tiết vụ án như nội dung Cáo trạng mà Kiểm sát viên công bố là đúng và không đồng ý trả lại tiền cho các bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Dương Thành H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo Dương Thành H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/5/2025;

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

+ Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Điều 579, 580, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự (BLDS);

Bị hại Nguyễn Huy T yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng nên buộc những người liên quan phải trả lại cho ông T gồm: Nguyễn Xuân T2 phải trả cho ông T 1.750.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết N1 trả cho ông T 2.500.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Thêm số tiền 95.750.000 đồng.

Bị hại Trần Đăng Q1 yêu cầu bồi thường 13.000.000 đồng nên buộc những người liên quan phải trả lại cho ông Q1 gồm: Nguyễn Xuân T2 phải trả cho ông Q1 1.100.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết N1 trả cho ông Q1 6.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Q1 số tiền 5.900.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Thị Quỳnh N yêu cầu bồi thường 36.500.000 đồng nên buộc người liên quan Nguyễn Thị Tuyết N1 trả cho bà N 6.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại N số tiền 30.500.000 đồng.

Bị cáo Dương Thành H phải trả lại cho những người liên quan gồm: Trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 14.500.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Xuân T2 số tiền 2.850.000 đồng.

Riêng bị hại Nguyễn Văn T1 không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động cảm ứng loại Iphone 11 promax, màu gold, số emei 353896104610385, emei2 353896104600899, có gắn sim số 0343389479, điện thoại đã qua sử dụng. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD chứa đoạn video nội dung hỏi cung bị can ngày 10/10/2025 (được đựng trong bì niêm phong).

Trong phần đối đáp, bị cáo không tranh luận gì. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý trả lại tiền cho các bị hại. Kiểm sát viên giữ nguyên luận tội. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX đủ cơ sở kết luận: từ tháng 10/2024 đến tháng 5/2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk), Dương Thành H đã đưa thông tin gian dối về việc mình có các loại cây cảnh để bán, yêu cầu những người có nhu cầu mua cây cảnh đặt cọc tiền mua cây để chiếm đoạt số tiền 199.500.000 đồng của 04 người bị hại, trong đó chiếm đoạt của ông Nguyễn Huy T số tiền 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T1 số tiền 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Quỳnh N số tiền 36.500.000 đồng và ông Trần Đăng Q1 số tiền 13.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Dương Thành H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của nhiều người, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt hành chính về các hành vi vi phạm pháp luật khác nhau nhưng không tích cực sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại T1 số tiền 50.000.000 đồng, được bị hại T1, bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo từng có thời gian đi nghĩa vụ quân sự, có ông bà nội ruột Dương B, Nguyễn Thị N4 là người có công cách mạng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Xét thấy việc Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại dùng để trả nợ, tuy những người nhận trả nợ không biết tiền do bị cáo chiếm đoạt mà có nhưng đây là khoản tiền có được do hành vi phạm tội nên theo quy định tại Điều 47, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS thì những người nhận trả nợ này không có quyền chiếm hữu, do đó cần buộc những người này trả lại cho các bị hại, bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại nên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại theo quy định tại Điều 579, 580 BLDS, cụ thể:

- Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Huy T 100.000.000 đồng, bị cáo dùng 1.750.000 đồng trả nợ cho ông Nguyễn Xuân T2, dùng 2.500.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1. Do đó, buộc người liên quan Nguyễn Xuân T2 phải trả cho ông T 1.750.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết N1 trả cho ông T 2.500.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Thêm số tiền 95.750.000 đồng.

- Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Trần Đăng Q1 13.000.000 đồng, bị cáo dùng 1.100.000 đồng trả nợ cho ông Nguyễn Xuân T2, dùng 6.000.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1. Do đó, buộc người liên quan Nguyễn Xuân T2 phải trả cho ông Q1 1.100.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết N1 trả cho ông Q1 6.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Q1 số tiền 5.900.000 đồng.

- Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Quỳnh N 36.500.000 đồng, bị cáo dùng 6.000.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1. Do đó, buộc người liên quan Nguyễn Thị Tuyết N1 trả cho bà N 6.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại N số tiền 30.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho những người liên quan gồm: Trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 14.500.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Xuân T2 số tiền 2.850.000 đồng.

- Riêng đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn T1 50.000.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại T1, bị hại T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[4] Vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng loại Iphone 11 promax, màu gold, số emei 353896104610385, emei2 353896104600899, có gắn sim số 0343389479, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội của bị cáo còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật. Đối với 01 đĩa DVD chứa đoạn video nội dung hỏi cung bị can ngày 10/10/2025 (được đựng trong bì niêm phong) là vật chứng liên quan đến tội phạm nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và còn tiếp tục bồi thường dân sự trả tiền cho bị hại, những người liên quan nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $149.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.475.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Thành H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Xử phạt: Bị cáo Dương Thành H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/5/2025.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, 48 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS, Điều 579, 580, 584, 585, 586, 589 của BLDS.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 phải trả cho các ông Nguyễn Huy T, ông Trần Đăng Q1, bà Nguyễn Thị Quỳnh N như sau: Trả cho ông Nguyễn Huy T số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), ông Trần Đăng Q1 số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), bà Nguyễn Thị Quỳnh N số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Buộc ông Nguyễn Xuân T2 phải trả cho các ông Nguyễn Huy T, ông Trần Đăng Q1 như sau: Trả cho ông Nguyễn Huy T số tiền 1.750.000đ (*Một triệu bảy*

trăm năm mươi nghìn đồng), ông Trần Đăng Q1 số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Dương Thành H tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Huy T số tiền 95.750.000đ (Chín mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Dương Thành H tiếp tục bồi thường cho bị hại Trần Đăng Q1 số tiền 5.900.000đ (Năm triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Dương Thành H tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Quỳnh N số tiền 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Dương Thành H phải trả lại cho các ông, bà: Trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trả cho ông Nguyễn Xuân T2 số tiền 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động cảm ứng loại Iphone 11 promax, màu gold, số emei 353896104610385, emei2 353896104600899, có gắn sim số 0343389479, điện thoại đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk)

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD chứa đoạn video nội dung hỏi cung bị can ngày 10/10/2025 (được đựng trong bì niêm phong)

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Dương Thành H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.475.000đ (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk (1)
- VKSND khu vực 14- Đắk Lắk (1)
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (1)
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk (1)
- Phòng THADS khu vực 14- Đắk Lắk (1);
- Trại TG số 2- Công an tỉnh Đắk Lắk (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (4); Người có QLNVLQ (4)
- Lưu hồ sơ (2); Ấn Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền